

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1081/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 11 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp và thủ tục chứng nhận đầu tư tại tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp và thủ tục chứng nhận đầu tư tại tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Giao trách nhiệm:

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Tư pháp, Giao thông vận tải, Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các ngành chức năng liên quan tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung của Quy chế này.

Giám đốc Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp và thủ tục chứng nhận đầu tư tại tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Chi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Về việc phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông
trong giải quyết hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp
và thủ tục chứng nhận đầu tư tại tỉnh Phú Yên**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1081/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để các nhà đầu tư trong và ngoài nước thực hiện đầu tư trên địa bàn tỉnh Phú Yên nhằm phát triển sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc xử lý các thủ tục hành chính liên quan đến thành lập doanh nghiệp như: đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế, cấp giấy phép lao động và thẻ tạm trú cho người nước ngoài và cấp giấy phép khắc dấu; thực hiện thủ tục chứng nhận đầu tư, gồm: chủ trương đầu tư, giới thiệu địa điểm đầu tư, cấp chứng chỉ quy hoạch, cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Các thủ tục hành chính liên quan đến thành lập doanh nghiệp, thực hiện thủ tục chứng nhận đầu tư khác không quy định tại Quy chế này hoặc thuộc thẩm quyền của Bộ, ngành Trung ương thì được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Quy chế này không áp dụng cho các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn do nhà nước bảo lãnh; các dự án đầu tư bên trong các Khu công nghiệp; các dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp; các dự án khai thác, chế biến khoáng sản và các dự án phát triển nhà ở.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ sở: giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; cán bộ, công chức và các tổ chức khác có liên quan đến việc giải quyết hồ sơ, thủ tục quy định tại khoản 1, Điều 1 của Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc liên thông giải quyết các thủ tục hành chính

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp và các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện liên quan để giải quyết thủ tục hành chính liên thông.

2. Nhà đầu tư chỉ làm việc với cơ quan đầu mối để nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

3. Cơ quan phối hợp giải quyết thủ tục hành chính liên thông có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đúng thời gian, đúng nội dung những vấn đề đồng ý, không đồng ý, những nội dung cần bổ sung hoàn chỉnh khi được cơ quan chủ trì, đầu mối đề nghị và chịu trách nhiệm về những vấn đề liên quan mình đã có ý kiến thuộc chức năng quản lý của ngành. Quá thời gian quy định nếu không trả lời hoặc không báo về lý do chậm trễ thì được coi như đã chấp thuận, cơ quan chủ trì, đầu mối thực hiện các bước tiếp theo đã được quy định.

Điều 4. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông đặt tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm bố trí cán bộ, công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo tiêu chuẩn, trình độ năng lực, phong cách ứng xử để tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến các cơ quan chức năng; theo dõi kết quả phối hợp giải quyết hồ sơ và trả kết quả giải quyết các thủ tục theo quy định tại Quy chế này.

Điều 5. Bộ hồ sơ chung, lập và cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập hồ sơ

1. Bộ hồ sơ chung là bộ hồ sơ được xây dựng tương ứng với từng thủ tục cụ thể quy định tại Quy chế này. Trường hợp có một số thủ tục mà nhà đầu tư đề nghị chưa được quy định rõ tại Quy chế này thì Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản đề nghị sở, ban, ngành liên quan cung cấp mẫu hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục để trả lời cho nhà đầu tư biết thực hiện.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm lập bộ hồ sơ chung theo đúng yêu cầu tại quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan, hoặc thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ bảo đảm tính chính xác, trung thực những thông tin đã lập trong hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm hướng dẫn, cung cấp các thông tin cần thiết để giúp nhà đầu tư xây dựng bộ hồ sơ chung.

Điều 6. Trả kết quả và nguyên tắc xác định thời gian giải quyết từng thủ tục

1. Thời hạn trả kết quả và kết quả giải quyết được quy định ứng với từng thủ tục cụ thể tại Quy chế này. Trường hợp những thủ tục mà Quy chế này chưa quy định thì thời hạn trả kết quả và kết quả giải quyết cho từng thủ tục được xác định theo quy định tại khoản 1, Điều 5 và khoản 3, Điều 6 của Quy chế này.

Thời hạn trả kết quả được tính bằng ngày làm việc, bao gồm thời gian Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả liên thông và thời gian giải quyết từng thủ tục tại các cơ quan liên quan và tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thời gian Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận bộ hồ sơ hợp lệ chuyển đến các cơ quan liên quan không quá 02 ngày làm việc.

3. Nguyên tắc xác định thời gian giải quyết từng thủ tục:

a) Thời gian giải quyết của từng thủ tục quy định tại Quy chế này thực hiện theo Quyết định số 711/2007/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định thời gian giải quyết thủ tục đầu tư đối với các dự án không sử dụng vốn ngân sách nhà nước đầu tư trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành thủ tục hồ sơ giải quyết công việc trên một số lĩnh vực tại Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên;

b) Đối với các thủ tục chưa có trong quy định tại điểm a, khoản 3, Điều này thì thời gian giải quyết được tính tối đa không quá 50% tổng số thời gian theo quy định các văn bản Trung ương hướng dẫn.

Điều 7. Lệ phí và biên nhận hồ sơ

Căn cứ các khoản phí, lệ phí do các cơ quan liên quan công khai, khi nhận hồ sơ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả sẽ tạm thu các khoản phí, lệ phí liên quan từ nhà đầu tư và có trách nhiệm giao lại các khoản phí, lệ phí cho các cơ quan liên quan; đồng thời ghi giấy biên nhận theo mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này và trao cho nhà đầu tư.

Khi trả kết quả, cơ quan chức năng có trách nhiệm cung cấp chứng từ về phí, lệ phí đã thu để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giao cho nhà đầu tư.

Chương II

CÁC THỦ TỤC LIÊN QUAN ĐẾN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

Điều 8. Bộ hồ sơ chung

1. Trường hợp đăng ký kinh doanh thành lập mới doanh nghiệp, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, bộ hồ sơ chung bao gồm các giấy tờ sau:

- Các giấy tờ đăng ký kinh doanh thành lập doanh nghiệp, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan theo quy định hiện hành.

- Các giấy tờ đăng ký thuế cho doanh nghiệp thành lập mới và cá nhân người nước ngoài (trừ bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) theo hướng dẫn tại Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế về việc đăng ký thuế.

2. Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký thuế, thay đổi mẫu dấu, bộ hồ sơ chung gồm các giấy tờ sau:

- Các giấy tờ thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Các giấy tờ thay đổi đăng ký thuế cho doanh nghiệp (trừ bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) theo hướng dẫn tại Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Điều 9. Trả kết quả

1. Thời hạn trả kết quả:

- Đối với trường hợp thành lập doanh nghiệp mới: trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư giải quyết và trả kết quả cho doanh nghiệp.

- Đối với trường hợp đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký thuế, thay đổi mẫu dấu: trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư giải quyết và trả kết quả cho doanh nghiệp.

2. Kết quả giải quyết các thủ tục gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

- Giấy chứng nhận đăng ký thuế, hoặc kết quả cập nhật các thông tin đăng ký thuế điều chỉnh vào hệ thống thông tin quản lý của Cục Thuế.

- Giấy phép khắc dấu.

Khi đến nhận kết quả, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đứng đầu của chi nhánh, văn phòng đại diện phải trực tiếp ký vào giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và ký vào phiếu trả kết quả theo mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 10. Thời hạn giải quyết các thủ tục hành chính tại các cơ quan

1. Trường hợp thành lập doanh nghiệp mới:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được bộ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy tờ đăng ký thuế tới Cục Thuế tỉnh và gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tới Công an tỉnh;

b) Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận được bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hồ sơ đăng ký thuế của doanh nghiệp, Cục Thuế tỉnh gửi kết quả giải quyết việc đăng ký thuế tới Sở Kế hoạch và Đầu tư;

c) Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận được bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, Công an tỉnh gửi kết quả giải quyết việc cấp giấy phép khắc dấu cho doanh nghiệp tới Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Trường hợp thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện; đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký thuế và thay đổi mẫu dấu:

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được bộ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cùng với những giấy tờ thay đổi đăng ký thuế tới Cục Thuế tỉnh và gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện tới Công an tỉnh;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ thay đổi đăng ký thuế của doanh nghiệp, Cục Thuế tỉnh giải quyết và gửi kết quả đăng ký thuế tới Sở Kế hoạch và Đầu tư;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, Công an tỉnh giải quyết và gửi kết quả cấp giấy phép khắc dấu cho doanh nghiệp tới Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trường hợp doanh nghiệp thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh dẫn đến phải thay đổi nội dung đăng ký thuế nhưng không làm thay đổi mẫu dấu:

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được bộ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cùng với những giấy tờ thay đổi đăng ký thuế tới Cục Thuế tỉnh;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ thay đổi đăng ký thuế của doanh nghiệp, Cục Thuế tỉnh giải quyết và gửi kết quả đăng ký thuế tới Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chương III **THÔNG BÁO CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ,** **GIỚI THIỆU ĐỊA ĐIỂM VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**

Điều 11. Hồ sơ chung

Bộ hồ sơ chung gồm các giấy tờ như hồ sơ theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quyết định số 1149/2007/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục đầu tư đối với các dự án không sử dụng vốn ngân sách nhà nước đầu tư trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 12. Phối hợp giải quyết thủ tục giữa các cơ quan

1. Phối hợp giới thiệu địa điểm cho nhà đầu tư lựa chọn lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

Trong thời hạn 02 ngày sau khi nhận được yêu cầu của nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư giới thiệu các dự án trong danh mục dự án gọi vốn đầu tư của tỉnh để nhà đầu tư lựa chọn; hoặc chuyển văn bản của nhà đầu tư về đề nghị giới thiệu địa điểm lập dự án đầu tư xây dựng công trình đến Sở Xây dựng để giới thiệu địa điểm đầu tư cho nhà đầu tư.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển đến. Sở Xây dựng có văn bản giới thiệu địa điểm đầu tư gửi tới Sở Kế hoạch và Đầu tư, hoặc cùng với Sở Kế hoạch và Đầu tư trực tiếp hướng dẫn cho nhà đầu tư tìm hiểu xác định địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

2. Phối hợp thông báo chủ trương đầu tư:

a) Trường hợp dự án dự định thực hiện có xây dựng công trình trong khu vực chưa có đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch điểm dân cư nông thôn được phê duyệt:

- Trong thời hạn 01 ngày sau khi nhận được bộ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển hồ sơ đăng ký chủ trương đầu tư và phiếu lấy ý kiến về địa điểm đầu

tư của dự án đến Sở Xây dựng hoặc sở quản lý ngành, địa phương có ý kiến về địa điểm đầu tư của dự án;

- Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chủ trương đầu tư và phiếu lấy ý kiến do Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển đến. Sở Xây dựng hoặc sở quản lý ngành, địa phương có ý kiến bằng văn bản về địa điểm đầu tư của dự án gửi tới Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sau thời gian nói trên nếu cơ quan, đơn vị không có ý kiến gửi tới Sở Kế hoạch và Đầu tư thì xem như đồng ý với địa điểm đầu tư dự án;

- Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư;

b) Trường hợp dự án nằm trong khu vực đã có đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch điểm dân cư nông thôn được phê duyệt.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Phối hợp thỏa thuận địa điểm xây dựng, thông số quy hoạch và cấp chứng chỉ quy hoạch.

a) Phối hợp thỏa thuận địa điểm xây dựng đối với dự án dự định thực hiện có xây dựng công trình trong khu vực chưa có đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch điểm dân cư nông thôn được phê duyệt:

- Trong thời hạn 02 ngày sau khi nhận được bộ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển hồ sơ thỏa thuận địa điểm xây dựng đến Sở Xây dựng để thỏa thuận địa điểm xây dựng công trình. Kèm theo hồ sơ đã có ý kiến của các ngành có liên quan và địa phương về địa điểm đầu tư dự án;

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển đến, Sở Xây dựng lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận địa điểm đầu tư cho nhà đầu tư, đồng thời giải quyết và gửi kết quả đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để biết, theo dõi;

b) Phối hợp thỏa thuận thông số quy hoạch đối với các dự án thỏa thuận địa điểm xây dựng:

- Trong thời hạn 02 ngày sau khi nhận được bộ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển hồ sơ thỏa thuận thông số quy hoạch xây dựng đến Sở Xây dựng để thỏa thuận thông số quy hoạch xây dựng công trình;

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển đến, Sở Xây dựng giải quyết và gửi kết quả việc thỏa thuận thông số quy hoạch xây dựng công trình gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư;

c) Phối hợp cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng công trình đối với dự án nằm trong khu vực đã có đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch điểm dân cư nông thôn được phê duyệt:

- Trong thời hạn 02 ngày sau khi nhận được bộ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ quy hoạch đến phòng chức năng cấp huyện (đối với các công trình dự kiến xây dựng trong khu vực đã có đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch điểm dân cư nông thôn được phê duyệt, tỷ lệ 1:500) hoặc đến Sở Xây dựng (đối với các công trình dự kiến xây dựng trong khu vực thành phố Tuy Hòa đã có đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị 1:2000 nhưng chưa có đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị 1:500) để được cấp chứng chỉ quy hoạch;

- Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ quy hoạch do Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Xây dựng giải quyết và gửi kết quả cấp chứng chỉ quy hoạch tới Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Phối hợp cấp giấy chứng nhận đầu tư:

a) Trường hợp đăng ký đầu tư dự án đầu tư trong nước:

Trong thời hạn 05 ngày sau khi nhận được bộ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy đăng ký đầu tư hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp;

b) Trường hợp đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài:

- Trong thời hạn 02 ngày sau khi nhận được bộ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi lấy ý kiến cơ quan Hải quan, Cục Thuế về các ưu đãi đầu tư của dự án (nếu có) hoặc quy mô dự án, nhu cầu sử dụng đất gồm: diện tích đất, loại đất và tiến độ sử dụng đất với Sở Tài nguyên và Môi trường và sở quản lý ngành (đối với các dự án dự kiến thuê đất, hoặc đề nghị quy hoạch vùng nguyên liệu);

- Trong thời hạn 04 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến do Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển đến, cơ quan Hải quan, Cục Thuế, Sở Tài nguyên và Môi trường và sở quản lý ngành có ý kiến bằng văn bản về các ưu đãi đầu tư, quy mô và nhu cầu sử dụng đất của dự án gửi tới Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sau thời gian nói trên, nếu các cơ quan, đơn vị không có ý kiến gửi tới Sở Kế hoạch và Đầu tư thì xem như đồng ý dự án;

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp;

c) Trường hợp thẩm tra cấp chứng nhận đầu tư:

- Trong thời hạn 03 ngày sau khi nhận được bộ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra cho các sở, ngành, địa phương liên quan; trường hợp cần thiết có thể lấy ý kiến của Bộ, ngành liên quan;

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến do Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển đến, các sở, ngành địa phương trả lời ý kiến thẩm tra bằng văn bản và chịu trách nhiệm ý kiến thẩm tra của mình trước pháp luật về những vấn đề liên quan chức năng quản lý của ngành, địa phương đối với dự án;

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm tra trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp giấy chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp;

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối, chủ trì họp lấy ý kiến của các sở, ban, ngành, địa phương liên quan (các đại biểu dự họp phải đúng thành phần), trong một số trường hợp xét thấy cần thiết trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư. Các ý kiến tại cuộc họp được thể hiện đầy đủ trong biên bản và được thông qua tại cuộc họp, thống nhất ký tên và được xem là ý kiến chính thức của ngành, địa phương đó;

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, sau khi nhận được bộ hồ sơ hợp lệ do nhà đầu tư chuyển đến. Sở Kế hoạch và Đầu tư phải tổ chức cuộc họp, mời các sở, ban, ngành, địa phương liên quan có ý kiến. Giấy mời họp và hồ sơ, tài liệu liên quan phải được gửi cho các thành viên dự họp chậm nhất là 03 ngày trước khi tổ chức cuộc họp;

Trong thời hạn 03 ngày, sau khi tổ chức cuộc họp, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào biên bản cuộc họp, lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp.

Điều 13. Trả kết quả

1. Thời gian trả kết quả:

a) Đối với các dự án không phải làm thủ tục thẩm tra: tổng cộng thời gian giải quyết để hoàn tất các thủ tục không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ;

b) Đối với các dự án phải làm thủ tục thẩm tra: tổng cộng thời gian giải quyết để hoàn tất các thủ tục không quá 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ.

2. Kết quả giải quyết thủ tục gồm có:

- Thông báo chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chứng chỉ quy hoạch, hoặc chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh về địa điểm đầu tư và thỏa thuận các thông số quy hoạch.

- Giấy chứng nhận đầu tư.

Khi đến nhận kết quả, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đứng đầu của chi nhánh, văn phòng đại diện phải trực tiếp ký vào phiếu trả kết quả theo mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Chương IV **CÁC THỦ TỤC LIÊN QUAN ĐẾN TẠM TRÚ** **CHO NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

Điều 14. Thủ tục tạm trú cho nhà đầu tư nước ngoài

1. Thủ tục cấp tạm trú cho nhà đầu tư nước ngoài đến tìm hiểu, đầu tư trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; Thông tư liên tịch số 04/2002/TTLT/BCA-BNG và Thông tư liên tịch số 01/2007/TTLT/BCA-BNG sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 04/2002/TTLT/BCA-BNG ngày 29 tháng 01 năm 2002 của liên Bộ Công an-Bộ Ngoại giao, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác.

2. Hồ sơ đề nghị cấp thẻ tạm trú:

- Công văn đề nghị cấp thẻ tạm trú theo mẫu N5A/M, phụ lục kèm theo Quy chế này.

- Thông tin về người nước ngoài đề nghị cấp thẻ tạm trú theo mẫu N5B/M, phụ lục kèm theo Quy chế này.

- Phiếu khai báo tạm trú theo mẫu N12, phụ lục kèm theo Quy chế này.

- Danh sách Hội đồng quản trị, quyết định bổ nhiệm (bản photocopy) đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc hoặc Ban Giám đốc) hoặc giấy phép lao động đối với người có giấy phép lao động từ 01 năm trở lên.

- 02 ảnh (3x4)cm.

3. Hồ sơ khai báo tạm trú:

- Hộ chiếu, Visa.

- Tờ khai xuất nhập cảnh.

- Phiếu khai báo tạm trú theo mẫu N12, phụ lục kèm theo Quy chế này.

(Trường hợp đã được cấp thẻ tạm trú thì khi đăng ký tạm trú sử dụng giấy tờ này để khai báo)

Điều 15. Kết quả giải quyết thủ tục, thời gian trả kết quả và phối hợp giải quyết thủ tục giữa các cơ quan

1. Kết quả giải quyết thủ tục:

- Thẻ tạm trú.
- Kết quả khai báo với cơ quan xuất nhập cảnh - Công an tỉnh.

2. Thời gian trả kết quả:

a) Đối với trường hợp cấp thẻ tạm trú: 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

b) Đối với trường hợp khai báo tạm trú: thông báo kết quả trong ngày.

3. Phối hợp giải quyết thủ tục giữa các cơ quan:

a) Đối với trường hợp cấp thẻ tạm trú:

- Trong thời hạn 02 ngày sau khi nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ tạm trú hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển hồ sơ đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh để được xem xét, cấp thẻ tạm trú;

- Trong thời hạn 05 ngày sau khi nhận hồ sơ do Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển đến, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh xem xét, cấp thẻ tạm trú và chuyển kết quả giải quyết tới Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Đối với trường hợp khai báo tạm trú:

Trong thời hạn 02 ngày, sau khi nhận được đề nghị đăng ký làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nhà đầu tư nước ngoài chuẩn bị hồ sơ khai báo tạm trú;

Ngay sau khi nhà đầu tư nước ngoài đến tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị nhà đầu tư nước ngoài hoàn chỉnh hồ sơ khai báo tạm trú;

Sau khi nhận hồ sơ khai báo tạm trú, Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển hồ sơ đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh để khai báo tạm trú cho nhà đầu tư nước ngoài.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chịu trách nhiệm bố trí cán bộ, công chức đảm bảo tiêu chuẩn trình độ năng lực, phong cách ứng xử tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông để triển khai, thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

- Niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả về quy trình thủ tục và hồ sơ liên quan.

- Tổ chức theo dõi, thu thập, quản lý thông tin kết quả xử lý các hồ sơ phối hợp thực hiện liên thông theo Quy chế này (kể cả các công việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư). Định kỳ hàng tháng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả giải quyết hồ sơ, các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Quy chế cho Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ 6 tháng một lần. Chủ trì giải quyết hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế.

2. Các cơ quan liên quan:

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công thực hiện hoặc phối hợp thực hiện theo quy định tại Quy chế này và các quy định hiện hành của nhà nước để tổ chức triển khai, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Theo dõi, đôn đốc thực hiện các quy trình để lập các hồ sơ và những công việc trong phạm vi giải quyết của cơ quan mình và phản ánh các kiến nghị về các phát sinh, vướng mắc trong thời gian giải quyết.

Điều 17. Xử lý chuyển tiếp

Các hồ sơ đang thực hiện trước khi Quy chế này có hiệu lực thi hành thì vẫn tiếp tục giải quyết theo thủ tục hiện hành.

Trường hợp các hồ sơ trước khi có Quy chế này đã giải quyết ở một số khâu, nay được chuyển tiếp để thực hiện các phần việc còn lại theo quy định tại Quy chế này. Trong trường hợp này, bộ hồ sơ chung được xác định bao gồm hồ sơ của các thủ tục còn chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa có kết quả và kết quả giải quyết các thủ tục trước đó.

Điều 18. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng:

Các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức thực hiện tốt quy định tại Quy chế này được xem xét khen thưởng theo quy định về thi đua, khen thưởng.

2. Xử lý vi phạm:

a) Cán bộ, công chức trong khi giải quyết thủ tục, hồ sơ có hành vi vi phạm quy định Quy chế này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nếu để cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị khi giải quyết thủ tục, hồ sơ có hành vi vi phạm quy định của Quy chế này thì chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các quy định của pháp luật hiện hành có thay đổi với quy định tại Quy chế này thì áp dụng theo quy định hiện hành của nhà nước, sau đó kiến nghị sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp để tiếp tục thực hiện.

2. Các quy định do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trước đây trái với quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Quy chế này.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có vấn đề gì vướng mắc, các ngành, các cấp phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Chi